

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

Tên chương trình: Giáo dục mầm non

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Giáo dục mầm non

Mã số: 72140201

Loại hình đào tạo: Chính quy

Năm 2022

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	3
<i>1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo</i>	<i>3</i>
<i>1.2. Thông tin về chương trình đào tạo</i>	<i>3</i>
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH (*)	4
<i>2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Tân Trào ..</i>	<i>4</i>
<i>2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa GD Tiểu học – Mầm non</i>	<i>4</i>
<i>2.3. Mục tiêu của chương trình</i>	<i>5</i>
3. CHUẨN ĐẦU RA (**)	5
4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM (**)	5
5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP (**)	6
<i>5.1. Thông tin tuyển sinh.....</i>	<i>6</i>
<i>5.2. Quy trình đào tạo</i>	<i>7</i>
<i>5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp</i>	<i>7</i>
6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY	7
<i>6.1. Đội ngũ giảng viên.....</i>	<i>7</i>
<i>6.2. Cơ sở vật chất.....</i>	<i>7</i>
7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP (*)	7
<i>7.1. Các phương pháp dạy học</i>	<i>7</i>
<i>7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học</i>	<i>9</i>
8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ (**)	10
<i>8.1. Quy trình đánh giá.....</i>	<i>10</i>
<i>8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá.....</i>	<i>11</i>
9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH (**)	12
<i>9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa</i>	<i>12</i>
<i>9.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo</i>	<i>12</i>
<i>9.4. Kế hoạch giảng dạy.....</i>	<i>22</i>
<i>9.6. Tóm tắt nội dung học phần</i>	<i>29</i>
10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	29
11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	41

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non (GDMN) là một trong hai ngành đào tạo do Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non quản lí. Ngành Giáo dục Mầm non là một trong những ngành học của trường trong những năm gần đây có điểm chuẩn đầu vào cao (từ 18 đến 26 điểm). Quá trình đào tạo giáo viên mầm non, các vấn đề sau được đặc biệt quan tâm chú trọng và đã đạt được các kết quả:

- Đảm bảo chất lượng, sự đầu tư chuyên sâu cho từng bài giảng của giảng viên, đảm bảo sự hướng đích Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo cho từng bài giảng; Tăng cường công tác đổi mới phương pháp dạy học theo nguyên tắc: Phương pháp dạy học của giảng viên góp phần lớn trong việc phát triển các năng lực cho sinh viên và gây ảnh hưởng tích cực cho sinh viên đối với việc lựa chọn, sử dụng các phương pháp dạy học trong công tác dạy học ở mầm non sau này; Thúc đẩy trong sinh viên tinh thần tự học, sáng tạo, chủ động trong việc học tập, rèn luyện, phát triển các kĩ năng cho bản thân; Tài liệu giảng dạy đã được lựa chọn đảm bảo tính cập nhật, tiềm năng đối với việc hướng đích mục tiêu giảng dạy từng học phần của chương trình đào tạo; Các chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh định kì, cơ bản phù hợp với yêu cầu của xã hội (định kì 2 năm chương trình được rà soát, điều chỉnh 1 lần). Chương trình đào tạo được điều chỉnh, rà soát theo hướng giảm tính hàn lâm, tăng cường ứng dụng, thực hành, gia tăng sự kết nối, tích hợp giữa các môn học, các nội dung học tập.

- Việc rèn nghề, thực hành nghề nghiệp của sinh viên được chú trọng trong đào tạo trên cơ sở khai thác sự phối hợp, hỗ trợ tối đa của các cơ sở giáo dục mầm non trong, ngoài tỉnh; Chú trọng các môn học tiềm năng cho việc phát triển năng lực hội nhập quốc tế, các kĩ năng xã hội cần đối với giáo viên mầm non (ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kĩ năng tổ chức sự kiện, kĩ năng mềm,...).

- Gắn và ưu tiên các hướng NCKH phục vụ trực tiếp cho giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên mầm non. Năm học 2016 – 2017, 2017 – 2018, 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2020 – 2021 giảng viên của khoa đã hoàn tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

- Hàng năm, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn của ngành Giáo dục mầm non đạt tỉ lệ cao; tỉ lệ sinh viên tìm được việc làm đúng chuyên môn sau khi tốt nghiệp hàng năm là trên 80%; Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp là 100%. Mạng lưới cựu sinh viên ngành Giáo dục mầm non của Khoa được xây dựng từ hệ thống cán bộ các lớp đến giáo viên chủ nhiệm và trợ lí sinh viên của Khoa,... Mạng lưới hoạt động có hiệu quả trong việc kết nối, hỗ trợ, giúp đỡ sinh viên các cơ hội việc làm, cơ hội khởi nghiệp sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1.2. Thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình (Tiếng Việt): Giáo dục mầm non

- Tên chương trình (Tiếng Anh): Pre-school Education
- Mã ngành đào tạo: 7140201
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Tân Trào
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Cử nhân ngành Giáo dục Mầm non
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ^(*)

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tân Trào; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Tân Trào

2.1.1. Tầm nhìn: Trường Đại học Tân Trào sẽ trở thành một trung tâm phát triển bền vững, làm biến đổi cuộc sống và phục vụ cộng đồng.

2.1.2. Sứ mạng: Trường Đại học Tân Trào là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước.

2.1.3. Mục tiêu giáo dục: Đào tạo người học có kiến thức và kỹ năng chuyên môn của chuyên ngành được đào tạo một cách vững chắc và thực tiễn, có phẩm chất chính trị, có đạo đức tốt, đáp ứng các chuẩn mực cần thiết của người lao động trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN và theo xu thế hội nhập nền kinh tế thế giới. Người học được trang bị các kiến thức cơ sở ngành đào tạo để có khả năng nghiên cứu, cập nhật công nghệ mới, khả năng tự học suốt đời trong môi trường công tác sau khi ra trường; có kỹ năng thực hành chuyên sâu và chuyên nghiệp của chuyên ngành được đào tạo, đủ khả năng hành nghề, khả năng tạo việc làm và phát triển sự nghiệp; được trang bị các kỹ năng và phẩm chất của người lao động hiện đại, chú trọng các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác làm việc nhóm, sự tự tin và chủ động trong vị trí công tác được xã hội phân công.

2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa GD Tiểu học – Mầm non

2.2.1. Tầm nhìn: Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non phấn đấu trở thành đơn vị đào tạo giáo viên ngành Giáo dục Tiểu học, ngành Giáo dục Mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập của giáo dục hiện đại và yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tuyên Quang và khu vực; là đơn vị nghiên cứu, tư vấn, chuyển giao và triển khai những vấn đề cơ bản, những định hướng đổi mới về khoa học Giáo dục Tiểu học, khoa học Giáo dục Mầm non.

2.2.2. Sứ mạng: Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non là Khoa có trách nhiệm cụ thể hóa sứ mạng của Trường về nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, tiểu học và đào

tạo nguồn giáo viên mầm non, tiểu học có chất lượng đáp ứng nhu cầu nghề dạy học tiểu học và mầm non của Tỉnh Tuyên Quang và khu vực.

2.3. Mục tiêu của chương trình

- *Mục tiêu chung:*

Đào tạo cử nhân ngành Giáo dục Mầm non có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp. Có nền tảng kiến thức đại cương, cơ sở và chuyên ngành, khả năng thích nghi với mọi môi trường làm việc; có năng lực giảng dạy chương trình dạy học tiếp cận với năng lực trẻ mầm non trên thực tiễn; có kỹ năng nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

- *Mục tiêu cụ thể:*

MT1: Có kiến thức về lý luận chính trị, giáo dục thể chất, quốc phòng an ninh, ngoại ngữ và công nghệ thông tin cơ bản.

MT2: Vận dụng sáng tạo những kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ vào việc tổ chức, giám sát, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại trường mầm non.

MT3: Sử dụng thành thạo các kỹ năng lập kế hoạch tổ chức, quản lý các hoạt động chăm sóc, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non; kỹ năng nghiên cứu khoa học và phát triển chương trình giáo dục mầm non.

MT4: Có năng lực thực hành nghề nghiệp để hoạt động trong môi trường giáo dục và các hoạt động xã hội liên quan đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non

MT5: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. Có kỹ năng ứng xử sự phạm linh hoạt, hiệu quả.

3. CHUẨN ĐẦU RA (**)

Sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục Mầm non đạt được những chuẩn đầu ra sau:

Mã CĐR	Nội dung CĐR
Về kiến thức	
CĐR 1	Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng – an ninh, giáo dục thể chất để thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
CĐR 2	Vận dụng những kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ thông tin, ngoại ngữ làm nền tảng cho quá trình học tập và nghiên cứu các môn thuộc chuyên ngành Giáo dục Mầm non.
CĐR 3	Phát triển kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ để tổ chức, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với mọi đối tượng trẻ ở trường mầm non.
CĐR 4	Vận dụng đúng Điều lệ, các quy chế dân chủ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong trường mầm non.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	

CĐR 5	Lập kế hoạch tổ chức, đánh giá các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo năm học, học kì, tuần, ngày, hoạt động; xây dựng hồ sơ giảng dạy, quản lý lớp.
CĐR 6	Xây dựng các công cụ, thu thập và phân tích được dữ liệu đánh giá sự phát triển của trẻ để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ; đánh giá kết quả lao động sư phạm của bản thân và đồng nghiệp.
CĐR 7	Thực hiện nghiên cứu khoa học ứng dụng trong giáo dục mầm non và phát triển chương trình Giáo dục Mầm non.
Kĩ năng mềm	
CĐR 8	Thực hiện đúng yêu cầu về quản lý nhóm lớp theo quy định; các hoạt động nghệ thuật đặc thù ở trường mầm non; xử lý linh hoạt, hiệu quả các tình huống sư phạm; chia sẻ, truyền đạt thông tin chính xác, dễ hiểu đối với trẻ, gia đình, nhà trường, xã hội trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.
CĐR 9	Vận dụng linh hoạt các chương trình giáo dục của nước ngoài phù hợp với điều kiện thực tiễn.
CĐR 10	Sử dụng tin học và ngoại ngữ trong các hoạt động chuyên môn thông thường; đạt tối thiểu trình độ công nghệ thông tin cơ bản được quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT, trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (hoặc tương đương).
Về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR 11	Tổ chức làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi; chịu trách nhiệm đối với nhóm trước các vấn đề cần giải quyết; năng động, sáng tạo, khẳng định năng lực của bản thân.
CĐR 12	Thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo; yêu nghề, yêu trẻ, biết động viên, khích lệ trẻ trong quá trình giáo dục; tôn trọng trẻ, đồng nghiệp và cha mẹ trẻ.

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM ()**

- Giáo viên, cán bộ quản lý trong các cơ sở giáo dục mầm non.
- Chuyên viên, trong các cơ quan, tổ chức có liên quan tới đối tượng hoạt động là trẻ mầm non.
- Tư vấn viên, nghiên cứu viên về chuyên môn nghiệp vụ giáo dục mầm non.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ()**

5.1. Thông tin tuyển sinh

CTĐT ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học chấp nhận các ứng viên đảm bảo những điều kiện sau:

- Đối tượng là những người đã hoàn thành chương trình phổ thông. Việc xét tuyển căn cứ Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 07/CBHN-BGDĐT ngày 20/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh đại học Nhà trường đã sử dụng kết quả thi trung học phổ thông quốc gia và xét tuyển thí sinh

tốt nghiệp THPT, có điểm các môn học THPT theo các tổ hợp đạt ngưỡng xét tuyển theo quy định. Xét tuyển thí sinh vào hệ đại học chính qui ngành GDMN của trường theo phương thức sử dụng kết quả thi trung học phổ thông quốc gia: với tổ hợp môn, bài thi xét tuyển: C00, C14, C19, C20.

5.2. Quy trình đào tạo

Theo chương II, chương III và chương IV, Quyết định 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Theo Theo chương IV, Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr, ngày 28/09/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy định đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định 344/QĐ-ĐHTTr ngày 06/05/2020 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

6.1. Đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên của chuyên ngành Giáo dục Mầm non được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình nghiên cứu khoa học khác nhau và xã hội hóa kết quả nghiên cứu. Khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên đều được đo lường đánh giá, đáp ứng yêu cầu của công tác đào tạo.

6.2. Cơ sở vật chất

Nhà trường có cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Nhà trường liên tục bổ sung thêm trang thiết bị và các cơ sở mới phục vụ hoạt động dạy và học.

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP ^(*)

7.1. Các phương pháp dạy học

7.1.1. Dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Dạy học theo chiến lược dạy học trực tiếp, được Ngành GDMN lựa chọn chủ yếu ở phương pháp dạy học thuyết giảng (thuyết trình):

- Thuyết trình: Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

7.1.2. Dạy học gián tiếp

Là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giáo viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được Ngành Giáo dục Mầm non áp dụng gồm : Câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

- Câu hỏi – gợi mở (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết các vấn đề đặt ra.

- Giải quyết vấn đề (Problem Solving): Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

- Học theo tình huống (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

7.1.3 Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.

Các phương pháp dạy học được Ngành GDMN áp dụng theo chiến lược dạy học này gồm: mô hình (Models), thực tập, thực tế, và nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)

- Mô hình (Models): là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giáo viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

- Thực tập, thực hành: Thông qua các hoạt động làm bài tập, thực tập, thực hành tại trường và tại cơ sở giáo dục mầm non để giúp sinh viên luyện tập kiến thức, hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các phương pháp làm việc chuyên nghiệp và văn hóa trường học. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team): Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên,

giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

7.1.4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giáo viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giáo viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giáo viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp được Ngành GDMN áp dụng theo chiến lược này gồm có: phương pháp thảo luận (Discussions), học nhóm (Peer Learning)

- Thảo luận (Discussion): Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

- Học nhóm (Peer Learning): Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

7.1.5. Tự học

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp học theo chiến lược này được Ngành GDMN áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assigment).

- Bài tập, câu hỏi về nhà (Work Assigment): Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan

Có nhiều hình thức hỗ trợ người học trong nhiệm vụ rèn luyện kỹ năng, thái độ

Hàng kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên để chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy.

Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về giảng viên.

Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ ()**

8.1. Quy trình đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non thiết kế và công bố cho người học trước khi học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa GDTH-MN áp dụng đa dạng các phương pháp đánh giá. Tùy thuộc vào chuẩn đầu ra và phương pháp dạy-học của từng học phần, các phương pháp đánh giá phù hợp được lựa chọn nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của sinh viên cũng như hiệu quả đạt được của tiến trình dạy và học.

Các phương pháp đánh giá được áp dụng trong CTĐT GDMN gồm đánh giá sự tham gia trên lớp (in-class participation), bài tập (work assignment), thuyết trình (oral presentation), đánh giá hoạt động (performance test), kiểm tra viết (written exam), kiểm tra trắc nghiệm (multiple-choice exam), bảo vệ và thi vấn đáp (oral exam), viết báo cáo (written report), đánh giá làm việc nhóm (peer assessment), báo cáo thực tập/khóa luận tốt nghiệp (graduation report/thesis). Áp dụng các phương pháp đánh giá phi truyền thống khác nhau thúc đẩy mức độ tư duy cao của sinh viên trong việc học. Hoạt động học tập của sinh viên được đánh giá theo các phương pháp phi truyền thống bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá (rubrics) giúp sinh viên biết những gì họ được kỳ vọng trong mỗi tiêu chí đánh giá.

a) Đánh giá sự tham gia trên lớp (In-class participation): Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của họ. Việc đánh giá chuyên cần không còn thực hiện một cách độc lập mà được kết hợp với đánh giá việc phát biểu xây dựng bài giảng trong giờ học.

b) Đánh giá bài tập (Work Assignment): Sinh viên được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.

c) Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation): Trong một số môn học thuộc CTĐT ngành Giáo dục Mầm non, sinh viên được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những

kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng có thể chuyển đổi (transferable skills) như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

d) Đánh giá hoạt động (Performance test): Sinh viên được yêu cầu thực hiện một số hoạt động, kỹ thuật cụ thể theo các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của môn học.

e) Kiểm tra viết (Written Exam): Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, làm bài tập hay đưa ra ý kiến cá nhân về những vấn đề chủ yếu liên quan đến các chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần.

f) Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam): Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

g) Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam): Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Thời gian đánh giá được thực hiện định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ hoặc sau khóa học).

h) Viết Báo cáo (Written Report): Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

i) Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment): Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.

j) Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Report/Thesis): Báo cáo thực tập tốt nghiệp hay khóa luận tốt nghiệp của sinh viên được đánh giá bởi giáo viên hướng dẫn và giáo viên phản biện bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá (rubrics).

8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Trường ĐH Tân Trào sử dụng hệ thống tính điểm để đánh giá sinh viên như sau:

- Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

- Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.

- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm số, điểm chữ và xếp loại như sau:

	Thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số	Xếp loại
Loại đạt	8,5-10	A	4	Giỏi
	7,0-8,4	B	3	Khá
	5,5-6,9	C	2	Trung bình

	4,0-5,4	D	1	Trung bình yếu
Loại không đạt	Dưới 4,0	F	0	Kém

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH (**)

9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

132 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất 07 tín chỉ và Giáo dục Quốc phòng – An ninh: 9 tín chỉ), trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 33 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở ngành: 20 tín chỉ
- Kiến thức ngành: 65 tín chỉ
- Thực tập: 8 tín chỉ
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ

9.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra												
		Kiến thức					Kỹ năng					NLTC CTN		
							Cứng			Mềm				
Mã HP	Học phần	C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	
A. Kiến thức giáo dục đại cương														
I. Lý luận chính trị														
LL2.1.040.3	Triết học Mác - Lênin	2												
LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2												
LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2												
LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2												
LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2												
II. Ngoại ngữ														
NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1		2								2			
NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2										2			
NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3										2			
III. Tin học														
TN2.1.501.2	Tin học đại cương			3										

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra												
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					NLTC CTN		
							Cứng			Mềm				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	
IV. Khoa học tự nhiên, xã hội														
TN2.1.403.2	Sinh lý học trẻ em				3									
TN2.1.158.3	Toán ứng dụng		2											
TN2.1.440.2	Môi trường và con người			3									1	1
VD2.1.091.2	Cơ sở văn hoá Việt Nam		2											
LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương		2											
V. Giáo dục thể chất														
Bắt buộc														
TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1 (Bơi lội)	2												
Tự chọn nhóm 1 (1 x 3 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:														
TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	2												
TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)	2												
TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chày 1)	2												
TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)	2												
TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)	2												
TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)	2												
TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1)	2												
TC2.1.018.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	2												
Tự chọn nhóm 2 (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:														
TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)	2												
TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2												
TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chày 2)	2												
TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)	2												
TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)	2												
TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2)	2												
TC2.1.019.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2												

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					NLTC CTN	
							Cứng			Mềm			
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12
TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)	2											
VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh													
TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 1	1											
TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 2	1											
TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 3	1											
TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 4	1											
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp													
I. Kiến thức cơ sở ngành													
Bắt buộc													
TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương			2									
TL2.1.003.2	Giáo dục học đại cương			2									
VD2.1.142.2	Âm nhạc cơ bản			2				2					
VD2.1.143.2	Đàn phím điện tử			2				2					
NT2.1.011.3	Mỹ thuật cơ bản			2							1		
VD2.1.144.2	Múa cơ bản			2				2					
LL2.1.005.2	QLHC NN và QL ngành GD và ĐT				2							2	
XH2.1.048.3	Văn học trẻ em và PP đọc, kể diễn cảm		3					2			1		
Tự chọn (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong 02 học phần sau:													
XH2.1.001.2	Tiếng Việt thực hành		3					2			2		
XH2.050.2	Văn học dân gian Việt Nam 1					2					1		
II. Kiến thức chuyên ngành													
Bắt buộc													
MN2.1.037.3	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non			2				3			1		
MN2.1.038.3	Giáo dục học mầm non			2	3						1		

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra												
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					NLTC CTN		
							Cứng			Mềm				
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	
MN2.1.040.2	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non			2					3				2	
MN2.1.041.2	Phương pháp hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non			3					2				3	
MN2.1.042.3	Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non			3		3							2	
MN2.1.023.2	Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian			3		3							2	
MN2.1.043.3	Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh			2		3							1	
MN2.1.044.3	Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non			2					3				1	
MN2.1.045.3	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non								3	1			2	
MN2.1.046.3	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non			2		3							1	
MN2.1.016.3	Lý luận và phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học			2					3				1	
MN2.1.047.3	Chương trình và phát triển chương trình giáo dục mầm non					3				2			1	
MN2.1.019.2	Quản lý trong giáo dục mầm non				2	2			3					
MN2.1.020.2	Đánh giá trong giáo dục mầm non							3					1	1
MN2.1.033.3	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non		2						3				2	
ĐD2.1.062.3	Dinh dưỡng trẻ em			3						1			1	
ĐD2.1.061.3	Vệ sinh - Phòng bệnh trẻ em			2						3			1	
TN2.1.504.2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non.								3			2		
MN2.1.055.2	Tổ chức hoạt động vui chơi			2			2		2				3	

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra												
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kỹ năng					NLTC CTN		
							Cứng			Mềm				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	
Tự chọn (2 x 2 tín chỉ); chọn 02 trong 04 học phần sau:														
MN2.1.014.2	Giáo dục hòa nhập			3	2			1						
MN2.1.056.2	Hình thành khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non			2	3			1						
TL2.1.014.2	Tâm bệnh học			2										
MN2.1.025.2	Kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non			2				3				1		
Bổ trợ														
MN2.1.048.2	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non			3				2						
MN2.1.049.2	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non			3				2						
MN2.1.026.2	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non			3	3							2		
MN2.1.050.3	Kỹ thuật làm đồ chơi, đồ dùng dạy học			2				3				3		
MN2.1.054.2	Rèn luyện NVSP thường xuyên			2	3			2						
III. Thực tập														
MN2.1.030.4	Thực tập 1			2	3									
MN2.1.031.4	Thực tập 2			2	3									
IV. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp														
<i>Khóa luận tốt nghiệp:</i>														
<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>														
MN2.1.051.3	Giáo dục giá trị đạo đức và hành vi văn hoá cho trẻ mầm non			2	3			2						
MN2.1.052.3	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non			3	2			1						
MN2.1.053.6	Khóa luận tốt nghiệp													
Tổng số tín chỉ toàn khóa: 132 tín chỉ (Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục QP-AN)														

9.3. Nội dung chương trình

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận			
A. Kiến thức giáo dục đại cương			33						
I. Lý luận chính trị			11						
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác Lênin	3	43	2				
2	LL2.1.041.2	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	2	25	5			LL2.1.040.3	
3	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	29	1			LL2.1.041.2	
4	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	9			LL2.1.042.2	
5	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	21	9			LL2.1.043.2	
II. Ngoại ngữ			9						
6	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	22	23				
7	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	3	22	23				
8	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	3	22	23			NN2.1.002.3	
III. Tin học			2						
9	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15	15				
IV. Khoa học tự nhiên, xã hội			11						
10	TN2.1.403.2	Sinh lý học trẻ em	2	19	11				
11	TN2.1.158.3	Toán ứng dụng	3	22	23				
12	TN2.1.440.2	Môi trường và con người	2	23	1	6	9		
13	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	14	1		45		
14	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	29	1			LL2.1.040.3	
V. Giáo dục thể chất			7						
Bắt buộc									
15	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1 (Bơi lội)	2		1	29			
Tự chọn nhóm 1 (1 x 3 tín chỉ); chọn 01			3*						

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận			
<i>trong các học phần sau</i>									
16	TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	3*	4	1	40			
17	TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3*	3	1	41			
18	TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	3*	3	2	40			
19	TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)	3*	3	1	41			
20	TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)	3*	2	1	42			
21	TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)	3*	3	2	40			
22	TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1)	3*	4	1	40			
23	TC2.1.018.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	3*	3	1	41			
Tự chọn nhóm 2 (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 <i>trong các học phần sau:</i>			2*						
24	TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)	2*		1	29			
25	TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2*		1	29			
26	TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2*		1	29			
27	TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)	2*		1	29			
28	TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)	2*	2	1	27			
29	TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2)	2*		1	29			
30	TC2.1.019.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2*		1	29			
31	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)	2*	2	1	27			
VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh			9						

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghệ	Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận			
32	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 1	3	45					
33	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 2	2	30					
34	TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 3	2	14	1	15			
35	TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 4	2	4		56			
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			99						
I. Kiến thức cơ sở ngành			20						
Bắt buộc			18						
36	TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương	2	15	15				
37	TL2.1.003.2	Giáo dục học đại cương	2	12	18			TL2.1.001.2	
38	VD2.1.142.2	Âm nhạc cơ bản	2	12	18				
39	VD2.1.143.2	Đàn phím điện tử	2	2	28			VD2.1.142.2	
40	NT2.1.011.3	Mỹ thuật cơ bản	3	15	30				
41	VD2.1.144.2	Múa cơ bản	2	2	28				
42	LL2.1.005.2	QLHC NN và QL ngành GD và ĐT	2	15	15			LL2.1.040.3	
43	XH2.1.048.3	Văn học trẻ em và PP đọc, kể diễn cảm	3	22	23				
Tự chọn (<i>1 x 2 tín chỉ</i>); chọn 01 trong 02 học phần sau:			2*						
44	XH2.1.001.2	Tiếng Việt thực hành	2	11	19				
45	XH2.050.2	Văn học dân gian Việt Nam 1	2	25	05				
II. Kiến thức chuyên ngành			65						
Bắt buộc			50						
46	MN2.1.037.3	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	3	30	15			TL2.1.001.2	
47	MN2.1.038.3	Giáo dục học mầm non	3	29	14		2	TL2.1.003.2	
48	MN2.1.040.2	Lý luận và phương	2	16	12		2	MN2.1.038.3	

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận			
		pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non							
49	MN2.1.041.2	Phương pháp hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non	2	19	11			MN2.1.040.2	
50	MN2.1.042.3	Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non	3	19	22		4	TN2.1.158.3	
51	MN2.1.023.2	Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian	2	14	14		2	TN2.1.158.3	
52	MN2.1.043.3	Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh	3	21	21		9	MN2.1.038.3	
53	MN2.1.044.3	Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	28	15		6	MN3.1.036.3	
54	MN2.1.045.3	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	26	16		9	MN2.1.050.3	
55	MN2.1.046.3	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	3	18	24		3	VD2.1.142.2	
56	MN2.1.016.3	Lý luận và phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	22	21		6	MN3.1.037.3	
57	MN2.1.047.3	Chương trình và phát triển chương trình giáo dục mầm non	3	23	22			MN2.1.037.3, MN2.1.038.3	
58	MN2.1.019.2	Quản lý trong giáo dục mầm non	2	20	10			MN2.1.038.3	

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghệ	Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận			
59	MN2.1.020.2	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	16	14			MN2.1.037.3, MN2.1.038.3	
60	MN2.1.033.3	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	3	22	23			MN2.1.038.3	
61	ĐD2.1.062.3	Dinh dưỡng trẻ em	3	24	11	20			
62	ĐD2.1.061.3	Vệ sinh - Phòng bệnh trẻ em	3	29	16			TN2.1.401.2	
63	TN2.1.504.2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non.	2	12	18			TN2.1.501.2	
64	MN2.1.055.2	Tổ chức hoạt động vui chơi	2	15	15			MN2.1.038.3; MN2.1.050.3	
Tự chọn (2 x 2 tín chỉ); chọn 02 trong 04 học phần sau:			4*						
65	MN2.1.014.2	Giáo dục hòa nhập	2*	14	11		5	MN2.1.038.3	
66	MN2.1.056.2	Hình thành khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non	2*	22	8			MN2.1.044.3	
67	TL2.1.014.2	Tâm bệnh học	2*	14	16				
68	MN2.1.025.2	Kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non	2*	16	14				
Bổ trợ			11						
69	MN2.1.048.2	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non	2	15	15			MN 2.1.038.3	
70	MN2.1.049.2	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	2	15	15			MN2.1.038.3	
71	MN2.1.026.2	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2	16	12		2		
72	MN2.1.050.3	Kỹ thuật làm đồ chơi, đồ dùng dạy học	3	5	40			NT2.1.011.3	
73	MN2.1.054.2	Rèn luyện NVSP thường xuyên	2	4	11		45		

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận			
III. Thực tập			8						
74	MN2.1.030.4	Thực tập 1	4				200	MN2.1.038.3	
75	MN2.1.031.4	Thực tập 2	4				200	MN2.1.030.3	
IV. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6						
Khóa luận tốt nghiệp			6						
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6						
76	MN2.1.051.3	Giáo dục giá trị đạo đức và hành vi văn hoá cho trẻ mầm non	3	24	21			MN2.1.037.3	
77	MN2.1.052.3	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	3	25	30			MN2.1.047.3	
Tổng số tín chỉ toàn khóa (không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh): 132 tín chỉ			132	1153	873	679	549		

9.4. Kế hoạch giảng dạy

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác Lênin		3	3								
2	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1		3	3								
3	TN2.1.158.3	Toán ứng dụng		3	3								
4	TN2.1.501.2	Tin học đại cương		2	2								
5	TN2.1.403.2	Sinh lý học trẻ em		2	2								
6	TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương		2	2								
7	TL2.1.003.2	Giáo dục học đại cương		2	2								
8	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1		2	2*								
Tự chọn nhóm 1 (1 x 3 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:				3		3*							
9	TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2		3									

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ									
					1	2	3	4	5	6	7	8		
		(Bóng đá 1)												
10	TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)		3										
11	TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)		3										
12	TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)		3										
13	TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)		3										
14	TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)		3										
15	TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1)		3										
16	TC2.1.018.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)		3										
17	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 1		3										
18	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 2		2										
19	TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 3		2		9*								
20	TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 4		2										
21	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác Lênin	LL2.1.040.3	2		2								
22	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	NN2.1.001.3	3		3								
23	NT2.1.011.3	Mỹ thuật cơ bản		3		3								
24	MN2.1.037.3	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	TL2.1.001.2	3		3								
25	MN2.1.038.3	Giáo dục học mầm non	TL2.1.003.2	3		3								
<i>Tự chọn: Chọn (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong 02 học phần sau:</i>														
26	XH2.1.001.2	Tiếng Việt thực hành		2*		2*								
27	XH2.1.050.2	Văn học dân gian Việt Nam 1		2*		2*								
<i>Tự chọn nhóm 2 (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:</i>					2*									
28	TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)		2*			2*							

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ										
					1	2	3	4	5	6	7	8			
29	TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)		2*											
30	TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)		2*											
31	TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)		2*											
32	TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)		2*											
33	TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Boi lội 2)		2*											
34	TC2.1.019.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)		2*											
35	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)		2*											
36	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LL2.1.041.2	2			2								
37	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	NN2.1.002.3	3			3								
38	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	LL2.1.040.3	2			2								
39	VD2.1.142.2	Múa cơ bản		2			2								
40	VD2.1.144.2	Âm nhạc cơ bản		2			2								
41	MN2.1.050.3	Kỹ thuật làm đồ chơi, đồ dùng dạy học	NT2.1.011.3	3			3								
42	MN2.1.055.2	Tổ chức hoạt động vui chơi	MN2.1.038.3; MN2.1.050.3	2			2								
43	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL2.1.042.2	2				2							
44	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2				2							
45	TN2.1.440.2	Môi trường và con người		2				2							
46	MN2.1.040.2	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non	MN3.1.038.3	2				2							
47	MN2.1.042.3	Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học cho trẻ	TN2.1.158.2	3				3							

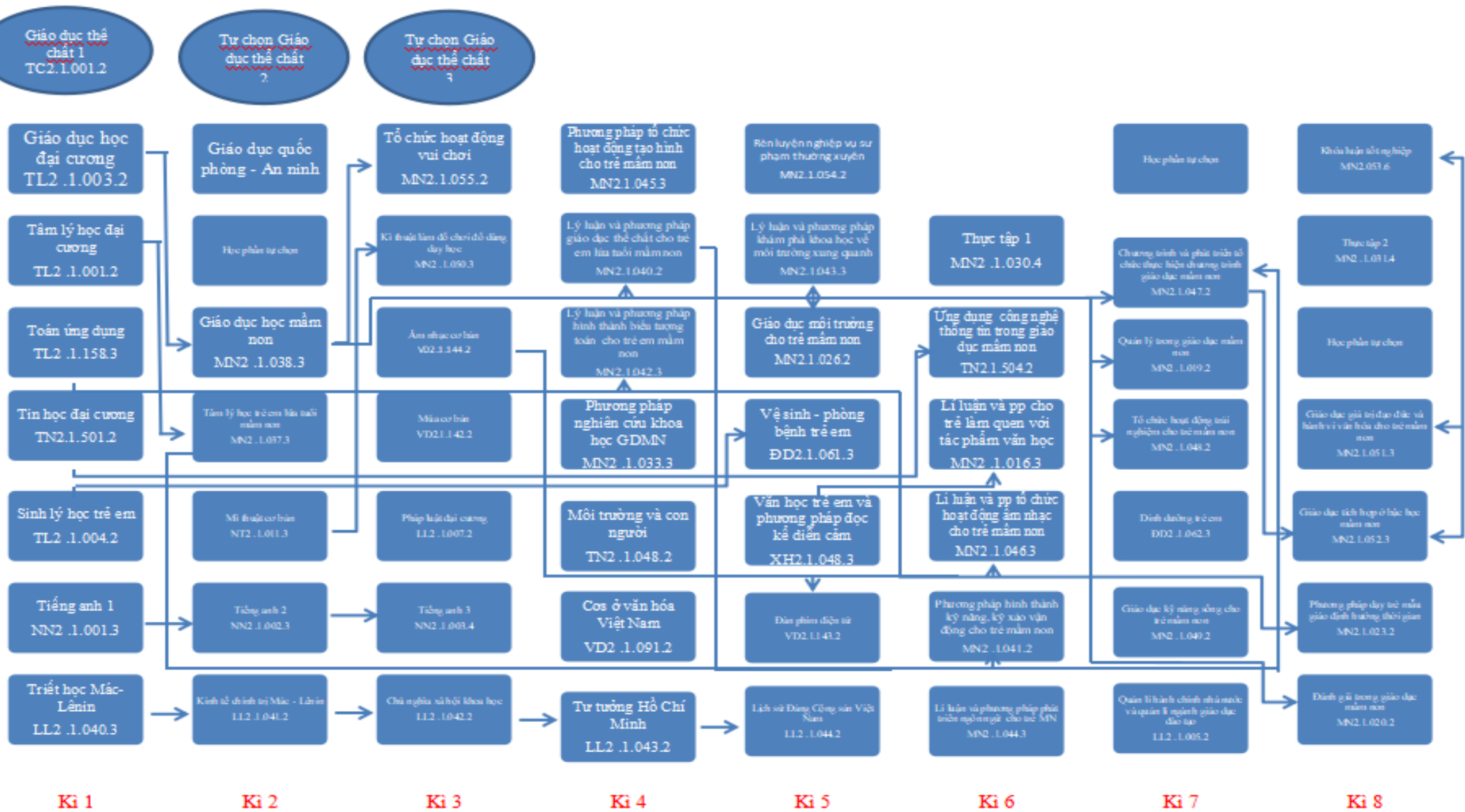
Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ									
					1	2	3	4	5	6	7	8		
		mầm non												
48	MN2.1.045.3	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	MN2.1.050.3	3				3						
49	MN2.1.033.3	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	MN2.1.038.3	3				3						
50	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	LL2.1.043.2	2					2					
51	VD2.1.143.2	Đàn phím điện tử	VD2.1.142.2	2					2					
52	XH2.1.048.3	Văn học trẻ em và PP đọc kể diễn cảm		3					3					
53	ĐD2.1.061.3	Vệ sinh – Phòng bệnh trẻ em	TN2.1.401.2	3					3					
54	MN2.1.043.3	Lý luận và phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh	MN2.1.038.3	3					3					
55	MN2.1.026.2	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non		2					2					
56	MN2.1.054.2	Rèn luyện NVSP thường xuyên		2					2					
57	MN2.1.044.3	Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	VD2.1.142.2	3							3			
58	MN2.1.016.3	Lý luận và phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	NV2.1.003.3	3							3			
59	MN2.1.046.3	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	VD2.1.142.2	3							3			

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
60	MN2.1.041.2	Phương pháp hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non	MN2.1.040.3	2							2		
61	TN2.1.504.2	Ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non	TN2.1.501.2	2							2		
62	MN2.1.030.4	Thực tập 1		4							4		
63	LL2.1.005.2	Quản lý hành chính nhà nước và quản lí ngành giáo dục và đào tạo	LL2.1.040.3	2								2	
64	MN2.1.047.3	Chương trình và phát triển chương trình giáo dục mầm non	MN2.1.037.3 MN2.1.038.3	3								3	
65	MN2.1.019.2	Quản lý trong giáo dục mầm non	MN2.1.038.3	2								2	
66	MN2.1.048.2	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non	MN2.1.038.3	2								2	
67	ĐD2.1.062.3	Dinh dưỡng trẻ em		3								3	
68	MN2.1.049.2	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non		2								2	
<i>Tự chọn: Chọn (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong 02 học phần sau:</i>													
69	MN2.1.014.2	Giáo dục hòa nhập	MN2.1.038.3	2*								2*	
70	TL2.1.014.2	Tâm bệnh học		2*								2*	
71	MN2.1.020.2	Đánh giá trong giáo dục mầm non	MN2.1.038.3	2									2
72	MN2.1.051.3	Giáo dục giá trị đạo đức và hành vi văn hoá cho trẻ mầm non	MN2.1.037.3 MN2.1.038.3	3									3
73	MN2.1.052.3	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	MN2.1.038.3 MN2.1.047.3	3									3
74	MN2.1.023.2	Phương pháp dạy	TN2.1.158.3	2									2

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
		trẻ mẫu giáo định hướng thời gian											
<i>Tự chọn: Chọn (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong 02 học phần sau:</i>													
75	MN2.1.056.2	Hình thành khả năng tiên đọc viết cho trẻ mầm non		2*									2*
76	MN2.1.025.2	Kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non	MN2.1.037.3	2*									2*
77	MN2.1.031.4	Thực tập 2	MN2.1.030.4	4									4
	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>			6									6
Cộng (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh):					17	16	16	17	17	17	16	16	

9.5. Bản đồ dạy học

BẢN ĐỒ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON



9.6. Tóm tắt nội dung học phần

9.6.1. Triết học Mác Lênin:

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm 3 chương, Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm những vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

9.6.2. Kinh tế chính trị Mác Lênin:

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Triết học Mác – Lê nin

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Kinh tế chính trị Mác – Lê nin như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

9.6.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học:

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học như: sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, liên minh giai cấp, cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội để từ đó người học có lý luận, phương pháp luận đánh giá được thực tiễn chủ nghĩa xã hội trên thế giới và trong nước.

9.6.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh:

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người.

9.6.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam:

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành tựu, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng.

9.6.6. Tiếng Anh 1

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thi hiện tại đơn đơn, sự sở hữu, đại từ chỉ định; sở thích cá nhân, hoạt động thời gian rảnh rỗi; Mô tả về bản thân, gia đình, công việc, khả năng của bản thân bằng Tiếng Anh.

9.6.7. Tiếng Anh 2

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tiếng Anh 1

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thì quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn; cách đưa ra ý kiến cá nhân, cách thể hiện mong muốn, sở thích, cách xác định vị trí, cách mô tả cảm xúc, và mô tả tranh, và mô tả một chuyến đi với các chủ đề thức ăn, thời trang, diện mạo bề ngoài bằng Tiếng Anh.

9.6.8. Tiếng Anh 3

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tiếng Anh 2

Học phần này gồm các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp cụ thể; Trang bị cho người học lượng từ vựng một cách đầy đủ về các chủ đề quen thuộc của đời sống hàng ngày như du lịch, phim và nghệ thuật,... Học phần cung cấp cho người học các cấu trúc ngữ pháp về thi hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn.

9.6.9. Tin học đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm ứng dụng Microsoft Office (biết tạo và xử lý văn bản bằng phần mềm MS Word, tạo và xử lý bảng tính MS Excel, thiết kế trang trình diễn với phần mềm PowerPoint) và mạng máy tính, Internet.

9.6.10. Sinh lý học trẻ em

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm cấu tạo, chức năng và quá trình sinh lý của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em; Các biện pháp chăm sóc và giáo dục trẻ em một cách khoa học, phù hợp với lứa tuổi.

9.6.11. Toán ứng dụng

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức về : Tập hợp, quan hệ, ánh xạ, số tự nhiên, xác suất và thống kê toán.

9.6.12. Môi trường và con người

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về môi trường; sự gia tăng dân số và các vấn đề ô nhiễm môi trường; những giải pháp thích hợp để đạt tới sự hài hòa giữa con người và thiên nhiên trong phát triển bền vững.

9.6.13. Cơ sở văn hóa Việt Nam

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về khái niệm văn hoá, không gian văn hóa Việt Nam, loại hình văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hoá Việt Nam (văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức cộng đồng, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hoá ứng xử với môi trường xã hội); bản sắc văn hóa dân tộc. Hình thành thái độ tích cực cho sinh với việc giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc.

9.6.14. Pháp luật đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Pháp luật đại cương gồm những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật; pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự; pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự; pháp luật hành chính và pháp luật tố tụng hành chính; pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

9.6.15. Giáo dục thể chất 1

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

Giáo dục thể chất 2 (Học phần tự chọn 1)

3 TC

9.6.16. Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bóng đá; một số điểm luật, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.17. Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn bóng bàn; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.18. Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng chuyền, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.19. Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn cầu lông; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.20. Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn võ Vovinam, phòng chống chấn thương và tự vệ trong cuộc sống; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.21. Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn điền kinh, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.22. Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.23. Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng rổ, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

Giáo dục thể chất 3 (Học phần tự chọn 2)

2TC

9.6.24. Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bóng đá; bài tập phối hợp, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè. 18/5/73

9.6.25. Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn bóng bàn; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.26. Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng chuyền, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.27. Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn cầu lông; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.28. *Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)*

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn võ Vovinam, phòng tránh chấn thương và tự vệ trong cuộc sống; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.29. *Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2)*

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.30. *Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)*

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng rổ, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.31. *Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)*

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn điền kinh, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

Giáo dục Quốc phòng – An ninh

9 TC

9.6.32. *Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1*

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và công tác quốc phòng an ninh trong tình hình mới; hình thành phẩm chất đạo đức, yêu chủ nghĩa xã hội, nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần đoàn kết.

9.6.33. *Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2*

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công tác phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, những quy định của pháp luật về một số vấn đề xã hội.

9.6.34. *Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3*

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về các quy định nền nếp, nội vụ, điều lệnh; lịch sử, truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam; Nội dung, bản chất của một số kỹ năng cơ bản trong chiến đấu. Hình thành kỹ năng quân sự chung, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ đối với Tổ quốc.

9.6.35. *Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4*

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về tính năng, cấu tạo, nguyên lý sử dụng, bảo quản một số loại vũ khí bộ binh thông thường; Nguyên lý kỹ thuật chiến đấu cá nhân; Các quy định khi thực hiện một số nhiệm vụ trong quân đội. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

9.6.36. *Tâm lý học đại cương*

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm các kiến thức về: Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý; Hoạt động, giao tiếp và sự hình thành, phát triển tâm lý; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức; Tình cảm và ý chí; Trí nhớ; Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.

9.6.37. *Giáo dục học đại cương*

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về khái niệm, bản chất, chức năng, nhiệm vụ của giáo dục, sự phát triển nhân cách, mục đích giáo dục, nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân

9.6.38. *Âm nhạc cơ bản*

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức về Lý thuyết âm nhạc cơ bản, phương pháp xướng âm và học hát các bài hát lứa tuổi mầm non theo các chủ đề ở trường Mầm non.

9.6.39. *Đàn phím điện tử*

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Âm nhạc cơ bản

Học phần bao gồm các nội dung về phương pháp rèn các kỹ năng độc tấu đàn phím điện tử cho sinh viên Đại học Mầm non. Từ đó sinh viên biết vận dụng các phương pháp đó để luyện tập đàn những bài hát trong chương trình giáo dục âm nhạc ở trường Mầm non.

9.6.40. *Mỹ thuật cơ bản*

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức về nghệ thuật tạo hình về màu và trang trí; nắm được kiến thức cơ bản về tỉ lệ người; phóng tranh; vẽ tranh minh họa. Một số hình thức tạo hình và kỹ thuật xé, cắt, dán; nặn khối cơ bản; nặn bằng cách ghép khối; nặn từ một khối đất.

9.6.41. *Múa cơ bản*

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm kiến thức khái quát về nghệ thuật múa, giới thiệu một số động tác múa dân gian cơ bản của một số dân tộc Việt Nam như: Kinh, Thái, Tày, H'mông, Tây Nguyên và một số động tác múa Bale cơ bản. Người học biết biên đạo những tiết mục múa cho trẻ Mầm non.

9.6.42. *Quản lý hành chính nhà nước và QL ngành Giáo dục và Đào tạo*

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Triết học Mác - Lênin

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Nhà nước CHXHCN Việt Nam, quản lý hành chính nhà nước, đường lối quan điểm của Đảng và nhà nước về giáo dục và đào tạo, luật Giáo dục và các điều lệ, quy chế trong hoạt động giáo dục, thực tiễn giáo dục địa phương, giúp người học hoàn thành chức trách, nhiệm vụ của nhà giáo trong tương lai.

9.6.43. *Văn học trẻ em và phương pháp đọc kể diễn cảm* 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức về văn học viết cho trẻ em ở Việt Nam; thơ do trẻ em viết ở Việt Nam; văn học thiếu nhi nước ngoài; vai trò của văn học thiếu nhi đối với việc giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non; nghệ thuật và kỹ thuật đọc, kể tác phẩm văn học cho trẻ lứa tuổi mầm non.

9.6.44. *Tiếng Việt thực hành* 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học bao gồm các kiến thức về rèn luyện kỹ năng đọc và đọc hiểu văn bản, rèn luyện kỹ năng nghe - nói, rèn luyện kỹ năng viết chữ ; kỹ năng dùng từ, đặt câu chuẩn tiếng Việt.

9.6.45. *Văn học dân gian Việt Nam 1* 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức về văn học dân gian Việt Nam: khái niệm, đặc trưng, nội dung, thi pháp của một số thể loại tiêu biểu.

9.6.46. *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non* 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tâm lý học đại cương

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về tâm lý học trẻ em, về lịch sử và quy luật phát triển của tâm lý học trẻ em; đặc điểm phát triển tâm lý và các dạng hoạt động của trẻ từ 0-6 tuổi.

9.6.47. *Giáo dục học mầm non* 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học đại cương

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về những vấn đề lý luận chung của giáo dục mầm non, về chương trình giáo dục mầm non và người giáo viên mầm non trong giai đoạn hiện nay; tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề và tổ chức chuẩn bị cho trẻ vào lớp một.

9.6.48. *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non* 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non

Học phần này gồm các kiến thức về lý luận giáo dục thể chất, các nguyên tắc và nhiệm vụ giáo dục thể chất, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện giáo dục thể chất; công tác tổ chức giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non.

9.6.49. *Phương pháp hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non*

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non

Học phần gồm các kiến thức về cơ sở lý luận của phương pháp hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non; Quá trình hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non; Hệ thống phương pháp hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non.

9.6.50. *Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non* 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Toán ứng dụng

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học về: Tập hợp, số lượng, phép đếm; biểu tượng kích thước, biểu tượng hình dạng, biểu tượng về định hướng trong không gian và thời gian cho trẻ mẫu giáo.

9.6.51. *Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian* 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Toán ứng dụng

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp và tiến trình dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian.

9.6.52. *Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh* 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về những vấn đề lý luận chung về phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh: Mục đích, nhiệm vụ và nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh. Sinh viên vận dụng được kiến thức để lập kế hoạch và đánh giá hoạt động làm quen với môi trường xung quanh của trẻ tại trường mầm non.

9.6.53. *Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non* 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm có kiến thức về những vấn đề lý luận chung; nhiệm vụ, hình thức và phương pháp phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non; dạy trẻ nhận biết tập nói 3 năm đầu; phát triển ngôn ngữ tuổi mẫu giáo.

9.6.54. *Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non*

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Kỹ thuật làm đồ chơi, đồ dùng dạy học

Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về: ý nghĩa, nhiệm vụ và đặc điểm của hoạt động tạo hình; Phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo các thể loại; Kế hoạch tổ chức, đánh giá hoạt động tạo hình trong trường mầm non.

9.6.55. *Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non*

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Âm nhạc cơ bản

Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về giáo dục âm nhạc, vai trò của giáo dục âm nhạc cũng như các phương pháp, hình thức và cách thức soạn giảng tổ chức các hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non.

9.6.56. *Lý luận và phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học* 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Văn học trẻ em và phương pháp đọc kể diễn cảm

Học phần gồm có kiến thức về những vấn đề lý luận chung, các nguyên tắc, hình thức, phương pháp cơ bản tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non và lập kế hoạch, tập giảng.

9.6.57. *Chương trình và phát triển chương trình giáo dục mầm non* 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non và Giáo dục học mầm non

Học phần gồm các kiến thức về chương trình giáo dục nhà trẻ và chương trình giáo dục mẫu giáo, Phát triển chương trình GDMN, lập kế hoạch tổ chức thực hiện CT GDMN, tổ chức các hoạt động GD tích hợp theo chủ đề, xây dựng MTGD trong trường MN, đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN.

9.6.58. *Quản lý trong giáo dục mầm non* 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non

Học phần gồm những kiến thức về quản lý giáo dục; quản lý trường mầm non; giáo viên mầm non và công tác quản lý nhóm lớp trong trường mầm non; quản lý năng lực giáo viên mẫu giáo theo tiếp cận kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non.

9.6.59. *Đánh giá trong giáo dục mầm non* 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non và Giáo dục học mầm non

Học phần gồm các kiến thức về đánh giá trong giáo dục mầm non: Khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và các kỹ thuật đánh giá; Sử dụng các biện pháp và kỹ thuật đánh giá nhằm đánh giá các vấn đề cơ bản trong giáo dục mầm non như: Cơ sở giáo dục mầm non, chương trình giáo dục mầm non, hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non và sự phát triển của trẻ mầm non.

9.6.60. *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non* 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non

Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, các phương pháp nghiên cứu lý luận và thực tiễn trong nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, các bước tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học, bước đầu sinh viên xây dựng được một đề cương nghiên cứu có ý nghĩa với thực tiễn giáo dục mầm non hiện nay.

9.6.61. *Dinh dưỡng trẻ em* 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về: Dinh dưỡng học trẻ em, cách xây dựng khẩu phần và đơn phù hợp với độ tuổi; Các nội dung hoạt động dinh dưỡng trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em. Mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục dinh dưỡng sức khỏe cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp.

9.6.62. *Vệ sinh – Phòng bệnh trẻ em* 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Sinh lý học trẻ em

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về vệ sinh và phòng bệnh trẻ em: Tổ chức vệ sinh, giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ em lứa tuổi mầm non. Các bệnh thường gặp, cách phòng và xử trí ban đầu một số tai nạn thường gặp ở trẻ; Mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non.

9.6.63. *Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non* 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tin học đại cương

Giải thích được xu hướng, tác động của công nghệ thông tin (CNTT) trong Giáo dục và Đào tạo; phân tích được cơ sở lý luận của việc ứng dụng công nghệ thông tin (UDCNTT) trong dạy học ở mầm non; vận dụng, khai thác được một số ứng dụng dạy học và công cụ đánh giá trực tuyến, xây dựng được quy trình và thiết kế được bài dạy có ứng dụng CNTT trong dạy học.

9.6.64. *Tổ chức hoạt động vui chơi* 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về hoạt động vui chơi và tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non: trò chơi đóng vai có chủ đề, trò chơi đóng kịch, trò chơi lắp ghép-xây dựng, trò chơi học tập, trò chơi vận động, trò chơi dân gian, trò chơi điện tử.

9.6.65. *Giáo dục hòa nhập (học phần tự chọn)* 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non

Học phần gồm những kiến thức về những vấn đề lý luận chung về trẻ khuyết tật và giáo dục hòa nhập: Khái niệm, đặc điểm từng nhóm trẻ khuyết tật, cách thức hỗ trợ các nhóm trẻ này khi tổ chức môi trường và hoạt động trong lớp hòa nhập ở trường mầm non

9.6.66. *Hình thành khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non (học phần tự chọn)* 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

Học phần gồm có kiến thức về những vấn đề lý luận chung; những biểu hiện và sự hình thành khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non; cho trẻ làm quen với chữ viết trong trò chơi học tập; lựa chọn và sử dụng tác phẩm văn học giúp trẻ mẫu giáo làm quen với đọc sách.

9.6.67. *Tâm bệnh học (học phần tự chọn)* 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức khái quát về tâm bệnh học, bao gồm: khái niệm, đối tượng của tâm bệnh học, nhiệm vụ của tâm bệnh học trẻ em, lịch sử hình thành, cách phân loại bệnh, phương pháp đánh giá tình trạng bệnh lí của trẻ em; Các rối loạn tâm lí của trẻ em lứa tuổi mầm non; Cách phòng ngừa rối loạn tâm lí và cách can thiệp rối loạn tâm lí cho trẻ em lứa tuổi mầm non.

9.6.68. *Kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non (học phần tự chọn)* 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức chung, những đặc trưng cơ bản về kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non; Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non để xử lý các tình huống thường gặp với trẻ, với đồng nghiệp và với cha mẹ trẻ.

9.6.69. *Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non* 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non

Học phần trình bày những vấn đề chung về hoạt động trải nghiệm của trẻ mầm non, tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ về quy trình, yêu cầu, phương pháp và tổ chức môi trường cho trẻ trải nghiệm. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên có thể vận dụng tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.

9.6.70. *Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non* 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non

Học phần trình bày những vấn đề chung về kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống ở Việt Nam, các nước trong khu vực; giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non. Trên cơ sở đó, giúp trẻ có thể vận dụng vào giải quyết hiệu quả các tình huống trong cuộc sống.

9.6.71. *Giáo dục môi trường cho trẻ mầm* 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung về giáo dục môi trường; cơ sở khoa học của giáo dục môi trường cho trẻ mầm non; các quá trình giáo dục môi trường ở trường mầm non

9.6.72. *Kỹ thuật làm đồ chơi, đồ dùng dạy học* 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Mĩ thuật cơ bản

Học phần giới thiệu khái quát những vấn đề chung về đồ chơi: tác dụng, nguyên tắc làm đồ chơi. Kỹ thuật làm một số đồ chơi cho trẻ mầm non: đồ chơi xếp hình; đồ chơi theo chủ đề và đồ chơi học tập.

9.6.73. *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên* 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần củng cố cho sinh viên những hiểu biết chung về công việc của giáo viên mầm non, về trường lớp mầm non; hướng dẫn sinh viên thực hành lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non theo các lĩnh vực phát triển và chủ đề giáo dục.

9.6.74. *Thực tập 1*

4 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các hoạt động: tìm hiểu thực tế giáo dục địa phương, tình hình thực tế giáo dục ở trường mầm non hiện nay; thực tập hoạt động chăm sóc và giảng dạy các môn học; làm công tác chủ nhiệm lớp. Viết báo cáo thu hoạch của sinh viên thực tập.

9.6.75. *Thực tập 2*

4 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các hoạt động: tìm hiểu thực tế giáo dục địa phương, tình hình thực tế giáo dục ở trường mầm non hiện nay; thực tập hoạt động chăm sóc và giảng dạy các môn học; làm công tác chủ nhiệm lớp. Viết báo cáo thu hoạch của sinh viên thực tập.

9.6.76. *Giáo dục giá trị đạo đức và hành vi văn hóa cho trẻ mầm non* 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về giá trị và giáo dục giá trị đạo đức cho trẻ mầm non; khái niệm chung về hành vi văn hóa; quá trình giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non; nội dung, phương pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi và giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ đặc biệt.

9.6.77. *Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non*

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Chương trình và phát triển chương trình giáo dục mầm non

Học phần này cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về giáo dục tích hợp, giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non; vai trò, khái niệm, những yêu cầu, phương pháp, hình thức và các giai đoạn tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non.

10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non đã được đối sánh về chuẩn đầu ra và nội dung đào tạo với Trường Đại học Hoa Lư làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển CTĐT gồm:

Nội dung	CTĐT Ngành Giáo dục Mầm non năm 2022 của Trường ĐH Tân Trào	CTĐT Ngành Giáo dục Mầm non năm 2022 của Trường ĐH Hoa Lư
Tên chương trình	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non
Loại hình đào tạo	Chính quy	Chính quy
Thời gian đào tạo	04	04
Tổng số tín chỉ/ Số học phần: <i>(không tính phần giáo dục thể chất và quốc phòng - an ninh)</i> . Trong đó:	132	135

- Khối kiến thức giáo dục đại cương	33/132	35/135
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	99/132	100/132
Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm/ Thực hành sư phạm Thường xuyên	2/132	5/136
- Thực tập/Thực hành nghề nghiệp	8/132	8/132
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6/132	8/135

Kết quả đối sánh cho thấy: Chương trình đào tạo Ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tân Trào và Trường Đại học Hoa Lư tương đối tương đồng về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, thời gian đào tạo. Tuy nhiên, chương trình đào tạo của hai trường cũng có những điểm khác nhau.

+ Khối lượng kiến thức toàn khóa của CTĐT ngành GDMN hệ Đại học của Trường Đại học Tân Trào là 132 tín chỉ, ít hơn Trường Đại học Hoa Lư 3 tín chỉ. Nhưng sự chênh lệch về số tín chỉ này là không đáng kể. Chương trình đào tạo của mỗi Trường đều có những ưu điểm riêng trong việc xác định lựa chọn các học phần.

+ CTĐT của Trường Đại học Tân Trào có các học phần cập nhật với xu thế phát triển của xã hội.

Từ số liệu tổng hợp về tổng số kiến thức toàn khóa, khối kiến thức và số học phần trong chương trình đào tạo ngành GD Mầm Non trình độ đại học hệ chính quy do Trường Đại học Tân Trào xây dựng so với các trường đại học khác, có thể khẳng định: Chương trình đào tạo của Trường Đại học Tân Trào là hợp lí, đảm bảo được những quy định chung trong các văn bản pháp quy và đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non đã được xây dựng/điều chỉnh, kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tân Trào.